

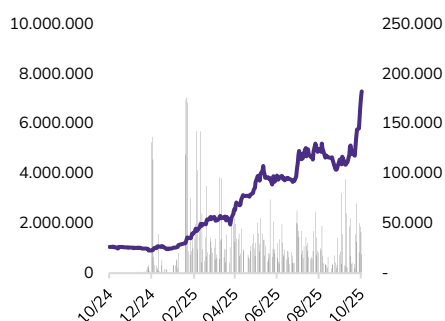
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Thiết bị điện
Ngày báo cáo	: 28/10/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 180.000
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 65.880
SLCPLH (CP)	: 365.999.956

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	3Q24	3Q25
Tăng trưởng DTT (%)	27,4%	14,7%
Tăng trưởng LNST (%)	-20,7%	358,0%
Biên LNG (%)	14,5%	16,6%
Biên LNST (%)	6,8%	27,1%
ROA (%)	2,8%	11,5%
ROE (%)	6,2%	23,4%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,69	0,55
EPS (VND/CP)	1.047	4.716
BVPS (VND/CP)	20.417	20.387

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Lợi nhuận Q3/2025 cao nhất lịch sử hoạt động

- **KQKD Q3/2025 – mảng thiết bị điện tiếp tục tăng trưởng khả quan trong khi doanh thu tài chính tăng đột biến nhờ thoái vốn đầu tư:**
 - ✓ Trong Q3/2025, doanh thu thuần (DTT) của GEE đạt 6.444 tỷ đồng (+14,7% svck), lợi nhuận gộp (LNG) đạt 1.069 tỷ đồng (+30,8% svck), biên LNG cải thiện lên 16,6% (+2,1 điểm phần trăm svck).
 - ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng mạnh +57,5% svck lên 303 tỷ đồng.
 - ✓ Doanh thu tài chính trong Q3/2025 đạt 1.563 tỷ đồng (+21,7 lần svck). Sự tăng trưởng đột biến của doanh thu tài chính là do: 1) Lãi tiền gửi tăng mạnh +74% svck lên 20,7 tỷ đồng; 2) Lãi từ thoái vốn đầu tư đạt gần 1.473 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 4,4 tỷ đồng. Chúng tôi cho rằng đây chính là khoản thoái vốn đầu tư tài chính tại CTCP Hạ tầng Gelex (GEE sở hữu 14,06% vốn cổ phần tại Công ty này tại thời điểm đầu năm 2025). Trong khi đó, chi phí tài chính giảm mạnh về còn 104 tỷ đồng (-33,9% svck), chủ yếu do chiết khấu thanh toán, phí LC, lãi mua hàng trả chậm, chi phí liên quan nghiệp vụ LME - Hedging giảm svck.
 - ✓ Ngoài ra, hoạt động liên doanh liên kết bị lỗ gần 21 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức lỗ gần 2 tỷ của cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, hoạt động khác lỗ gần 1 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức lỗ gần 6 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước.
 - ✓ **Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ đạt 1.744 tỷ đồng (+358% svck).**
- **KQKD 9T/2025 tăng trưởng ấn tượng, hoàn thành 100,9% kế hoạch LNST năm 2025 đã điều chỉnh:**
 - ✓ Lũy kế 9T/2025, DTT của GEE đạt 18.235 tỷ đồng (+24,5% svck), LNG đạt 2.937 tỷ đồng (+48,8% svck), biên LNG tăng lên 16,1% (+2,6 điểm phần trăm svck). Trong đó, mảng HĐKD cốt lõi là thiết bị điện tiếp tục tăng trưởng tích cực và đóng góp chủ đạo vào doanh thu, lợi nhuận của GEE. Cụ thể: 1) Mảng thiết bị điện có DTT đạt 17.999 tỷ đồng (+25,2% svck, chiếm 98,7% cơ cấu DTT), LNG đạt 2.848 tỷ đồng (+53,5% svck, chiếm 97% cơ cấu LNG), biên LNG đạt 15,8% (+2,9 điểm phần trăm YoY); 2) Mảng năng lượng sụt giảm mạnh do GEE đã tiến hành thoái vốn tại các đơn vị năng lượng thành viên, theo đó DTT đạt 210 tỷ đồng (-11,3% svck, chiếm 1,2% cơ cấu DTT), LNG đạt 82 tỷ đồng (-22,1% svck, chiếm 2,8% cơ cấu LNG), biên LNG giảm mạnh về 39% (-5,4 đpt svck)..
 - ✓ Chúng tôi cho rằng KQKD khả quan trên là do các nguyên nhân sau: i) GEE đã tối ưu hóa chi phí nhờ sản xuất quy mô lớn & tận dụng ưu thế của việc mua nguyên vật liệu với sản lượng lớn cùng công ty mẹ nên có lợi thế về giá đàm phán và tiết kiệm chi phí logistics; ii) Tiết giảm được chi phí lãi vay nhờ giảm nợ vay; iii) Các đơn vị thành viên và các công ty liên kết (chủ yếu là về thiết bị điện) có KQKD khá tốt, đặc biệt là Cadivi (công ty con đóng góp chủ yếu doanh thu, lợi nhuận của GEE). Thời gian qua, Cadivi đã ngày càng mở rộng địa bàn kinh doanh tại Cần Thơ, Hải Phòng, Thanh Hóa, Phú Thọ, Kiên Giang..., không ngừng mở rộng thị trường quốc tế thông qua các dòng sản phẩm chất lượng cao, đẩy mạnh các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025 & 9T/2025

Chỉ tiêu	3Q24	3Q25	%YoY	9M24	9M25	%YoY
Doanh thu thuần	5.619	6.444	14,7%	14.649	18.235	24,5%
Lợi nhuận gộp	817	1.069	30,8%	1.974	2.937	48,8%
Biên LN gộp	14,5%	16,6%		13,5%	16,1%	
Chi phí BH & QLDN	(193)	(303)	57,5%	(592)	(801)	35,3%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	3,4%	4,7%		4,0%	4,4%	
Doanh thu tài chính	69	1.563	2.166%	435	1.633	274,9%
Chi phí tài chính	(158)	(104)	-33,9%	(491)	(301)	-38,7%
Chi phí lãi vay	(62)	(61)	-1,8%	(214)	(169)	-21,1%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	534	2.203	312,6%	1.354	3.537	161,2%
Lợi nhuận trước thuế	528	2.202	316,9%	1.350	3.532	161,6%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	381	1.744	358,0%	1.002	2.724	171,9%
Biên LN ròng	6,8%	27,1%		6,8%	14,9%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

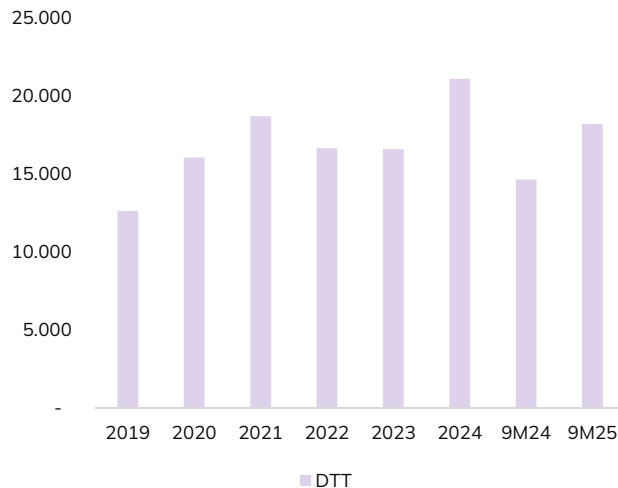
- ✓ Chi phí BH & QLDN tăng mạnh +35,3% svck lên 801 tỷ đồng, chủ yếu do tăng chi phí nhân công, chi phí hoàn nhập dự phòng sản phẩm & chi phí dịch vụ mua ngoài. Tỷ lệ chi phí BH & QLDN/DTT đã tăng lên 4,4% (+0,4 điểm phần trăm svck).
- ✓ Doanh thu tài chính tăng mạnh +275% svck lên 1.633 tỷ đồng. Một phần do lãi tiền gửi tăng mạnh +29% svck lên 34,2 tỷ đồng, còn chủ yếu là nhờ khoản thoái vốn 1.473 tỷ đồng tại CTCP Hạ tầng Gelex. Khoản lãi thoái vốn đầu tư đã tăng +4,2 lần svck. Cùng kỳ năm ngoái, GEE ghi nhận 288 tỷ đồng doanh thu tài chính từ thoái vốn 10% còn lại tại GELEX Quảng Trị vào T5/2024 & thoái 80% vốn góp tại Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận vào T6/2024. Trong khi đó, chi phí tài chính giảm -38,7% svck về còn 301 tỷ đồng, chủ yếu do lãi vay giảm -21,1% svck về còn 169 tỷ đồng. Ngoài ra, các khoản chiết khấu thanh toán, phí LC, chi phí/lỗ liên quan nghiệp vụ Hedging giảm mạnh svck. Nhờ đó, hoạt động tài chính trong 9T/2025 lãi đột biến 1.332 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ ròng 55 tỷ đồng. Đây là điểm tích cực lớn khi mà hoạt động tài chính của GEE trong giai đoạn 2019-2024 năm nào cũng lỗ ròng, chủ yếu do chi phí lãi vay lớn. Từ năm 2022 tới nay, hoạt động tài chính được nâng đỡ bởi các khoản lãi từ thoái vốn tại các đơn vị thành viên là các công ty năng lượng bên cạnh các khoản cổ tức được nhận từ các công ty con lâu năm.
- ✓ Khoản lãi từ HĐ liên doanh liên kết tăng mạnh lên 69 tỷ đồng (+156% svck) trong khi hoạt động khác lỗ trên 5 tỷ đồng (+32,1% svck). Lợi nhuận từ HĐKD đạt 3.537 tỷ đồng (+161,2% svck). Nếu loại trừ khoản lợi nhuận bất thường từ việc thoái vốn, thì lợi nhuận từ hoạt động cốt lõi 9T/2025 vẫn tăng 93% svck.
- ✓ **Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 2.724 tỷ đồng (+171,9% svck). Như vậy, kết thúc 9T/2025, GEE đã hoàn thành 77,2% kế hoạch doanh thu & 100,9% kế hoạch LNST năm 2025 đã điều chỉnh.**

DOANH THU, CHI PHÍ TÀI CHÍNH CỦA GEE 2020-9M25

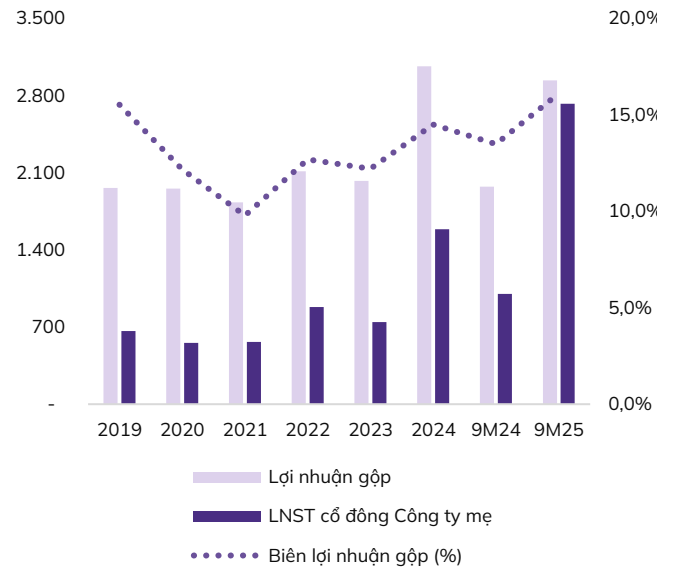
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023	2024	9M25
Doanh thu tài chính	234	395	840	572	544	1.633
Lãi tiền gửi, cho vay	19	81	54	56	36	34
Cổ tức, lợi nhuận được chia	84	118	182	144	118	46
Lãi từ bán, thanh lý các khoản đầu tư	-	-	504	285	288	1.473
Doanh thu tài chính khác	130	196	100	86	102	79
Chi phí tài chính	621	744	1.127	901	609	301
Lãi tiền vay	448	516	716	576	269	169
Chiết khấu TT, lãi BH trả chậm	125	194	218	184	222	91
Chi phí tài chính khác	49	34	193	141	117	41
Lãi/lỗ hoạt động tài chính	(387)	(350)	(288)	(329)	(65)	1.332

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Quy mô DTT của GEE 2019-9M25 (tỷ đồng)

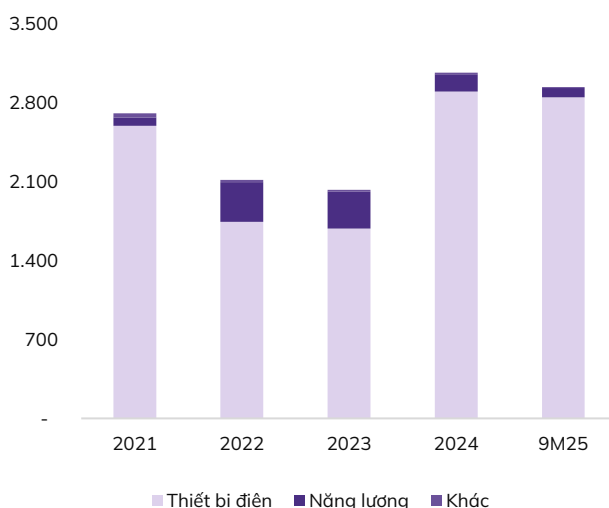


Quy mô lợi nhuận của GEE (tỷ đồng)

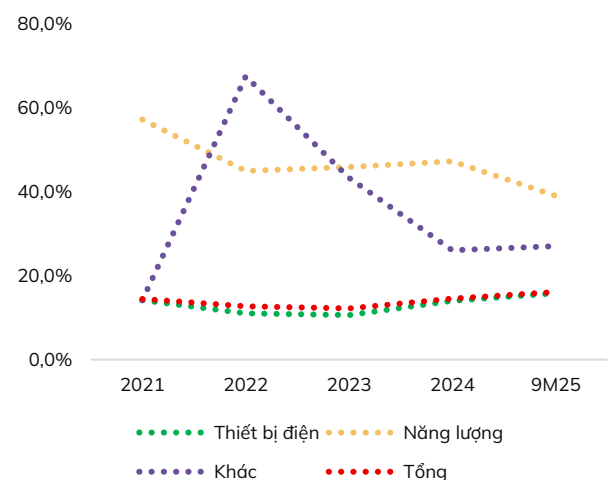


Nguồn: FiinPro, ABS Research

Cơ cấu LNG của GEE (tỷ đồng)



Biên LNG của GEE 2021-9M25 (%)



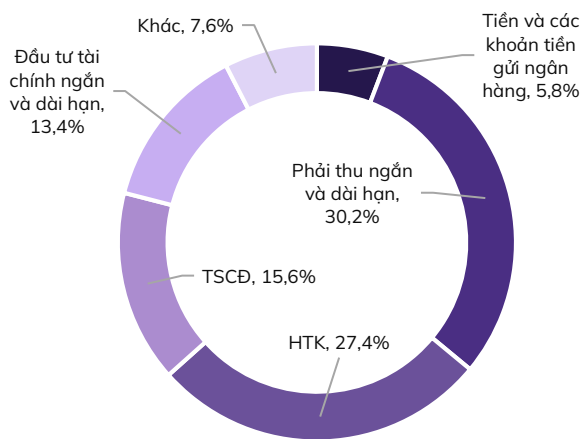
Nguồn: GEE, ABS Research

• Tình hình tài chính vẫn ở mức an toàn:

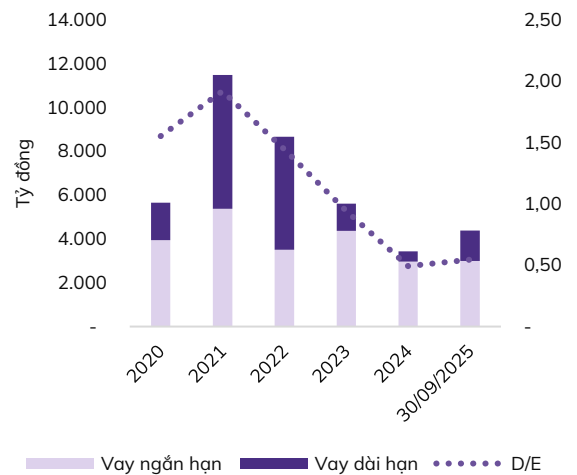
- ✓ **Lượng tiền có xu hướng tăng so với cuối năm 2024.** Tại 30/9/2025, GEE có 878 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+13,8% so với cuối năm 2024), chiếm 5,8% cơ cấu TTS. Khoản mục này tăng trong kỳ chủ yếu do KQKD khả quan tới từ HĐKD cốt lõi và hoạt động thoái vốn tại CTCP Hạ tầng Gelex. Lượng tiền có xu hướng dồi dào trở lại, giúp GEE có thể chủ động phần nào trong HĐKD.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn và dài hạn tăng mạnh.** Tại 30/9/2025, các khoản phải thu ngắn & dài hạn có giá trị 4.574 tỷ đồng (+103% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 30,2 % cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 168,3 tỷ đồng. Trong đó, khoản phải thu tăng mạnh chủ yếu do khoản cho vay các thành viên trong hệ sinh thái Gelex tăng mạnh. Điều này có thể làm giảm tính thanh khoản thực tế của GEE. Trong khi đó, hàng tồn kho tăng +12,7% so với thời điểm cuối năm 2024 lên 4.146 tỷ đồng, chiếm 27,4% cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 41,7 tỷ đồng, chủ yếu là nguyên vật liệu và thành phẩm, điều này có thể do GEE chuẩn bị cho các đơn hàng cuối năm. Tuy nhiên, cả hàng tồn kho và phải thu tăng mạnh cho thấy cơ cấu TTS của GEE đang nghiêng về các tài sản ngắn hạn có tính rủi ro cao, điều này có thể khiến tình trạng dòng tiền chịu áp lực ngắn hạn.

- ✓ **Đầu tư tài chính ngắn & dài hạn.** Tại 30/9/2025, khoản mục đầu tư tài chính ngắn và dài hạn của GEE là 2.034 tỷ đồng (-23,6% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 13,4% cơ cấu TTS, chủ yếu là khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết và góp vốn khác, trong đó giá trị lớn nhất là khoản góp vốn vào Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh (1.273 tỷ đồng, sở hữu 47% tại công ty này). Trong kỳ, GEE đã tiến hành thoái vốn tại CTCP Hạ tầng GELEX (sở hữu 14,06% tại công ty này), đem lại khoản doanh thu thoái vốn trị giá 1.473 tỷ đồng. Ngoài ra, GEE còn có gần 388 tỷ đồng chứng khoán đầu tư ngắn hạn.
- ✓ **Đòn bẩy tài chính đã giảm về ngưỡng an toàn.** Tại 30/9/2025, tổng nợ vay của GEE là 4.385 tỷ đồng (+28,1% so với thời điểm cuối năm 2024), do tăng vay dài hạn +206% so với cuối năm 2024 lên 1.388 tỷ đồng. Trong tổng nợ vay, đa phần là nợ vay ngắn hạn (2.997 tỷ đồng, chiếm 68,3%). Nhìn chung, nợ vay của GEE đã giảm dần trong giai đoạn 2021-2024. Hệ số D/E đã giảm liên tục từ năm 2021 tới 2024 (năm 2021 là 1,92 lần, 2024 là 0,49 lần). Việc giảm nợ vay và đòn bẩy tài chính đã giúp chi phí lãi vay liên tục giảm trong các năm qua, từ đó hỗ trợ lợi nhuận tốt hơn. Tuy nhiên, tại 30/9/2025, hệ số D/E tăng lên 0,55 lần nhưng vẫn ở ngưỡng an toàn.

Cơ cấu TTS của GEE tại 30/09/2025 (%)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của GEE



Nguồn: FiinPro, ABS Research

• Triển vọng của GEE dự báo khả quan dựa trên các yếu tố sau:

- ✓ KQKD 9T/2025 của GEE khá ấn tượng, đến cả từ HĐKD cốt lõi tăng trưởng khả quan lẫn việc thoái vốn tại CTCP Hạ tầng Gelex. Bên cạnh đó, doanh nghiệp tiếp tục kiên định với chiến lược tập trung vào ngành nghề cốt lõi, mở rộng sản phẩm mới thông qua đầu tư R&D, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong sản xuất, quản trị và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Đây là cơ sở để kỳ vọng GEE tiếp tục gặt hái thành quả trong những tháng cuối của năm 2025 cũng như năm 2026.
- ✓ Về dài hạn, chúng tôi đánh giá triển vọng của GEE thời gian tới sẽ khả quan do các yếu tố sau:
 - Theo kế hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện đã được Chính phủ phê duyệt, giai đoạn 2015-2025 ngành thiết bị điện năm 2025 phải sản xuất, cung ứng trọng bộ thiết bị điện cho các công trình đường dây điện, trạm biến áp, 50-60% nhu cầu máy biến thế 110-220KV và đáp ứng 60-70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện, khí cụ điện và các hệ thống ghi điểm – giám sát an toàn lưới điện, trọn bộ thiết bị trạm điện và xuất khẩu 19-20% giá trị sản xuất, tập trung các loại dây – cáp điện chất lượng cao với kim ngạch xuất khẩu tăng 35,5%/năm.
 - Sự tăng trưởng mạnh mẽ từ NLTT cũng cần đầu tư nhiều hơn vào CSHT điện, cụ thể là máy biến áp và cáp điện để tránh tình trạng bị quá tải lưới điện.
 - Nhu cầu lớn cho các thiết bị điện từ các dự án giao thông nhằm giảm ùn tắc. Kế hoạch đầu tư vào lĩnh vực viễn thông cũng thúc đẩy tăng trưởng cho ngành sản xuất dây dẫn, thiết bị điện.

- CADIVI - Công ty con đóng góp chủ đạo trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của GEE - liên tục có động thái tập trung R&D sản phẩm mới & mở rộng địa bàn kinh doanh ra Miền Bắc. Hiện, CADIVI có thị phần số 1 Việt Nam trong lĩnh vực dây cáp điện. Công ty liên tục nghiên cứu tối ưu sản phẩm và cho ra mắt sản phẩm mới, đặc biệt là trong năm 2025 ra mắt các sản phẩm có tính năng mới. Một số sản phẩm có tính năng mới như không chì, không halogen, chống cháy lan, một số sản phẩm khác. Tiến tới CADIVI cũng nghiên cứu một số sản phẩm mới, có thể mới ở Việt Nam nhưng không phải mới trên thế giới, hi vọng sẽ ra mắt các sản phẩm mới này trong năm 2026. Điều này hứa hẹn triển vọng khả quan trong thời gian tới của CADIVI. Bên cạnh đó, chiến lược tiến ra Miền Bắc của CADIVI được triển khai khá bài bản và có chiều sâu. Trong năm 2024-2025, CADIVI đã liên tục mở rộng địa bàn kinh doanh ra các tỉnh Hải Phòng, Phú Thọ, Thanh Hóa..., và hiện đang nằm trong TOP 4 thị phần Miền Bắc (khoảng 18%). Quy mô dây cáp điện thị trường miền Bắc khá tiềm năng, ước tính khoảng 16 ngàn tỷ đồng/năm. CADIVI đã thành lập Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc vào ngày 06/04/2024 nhằm đẩy mạnh thị trường miền Bắc.
 - GEE cũng định hướng sẽ mở rộng khai thác tại thị trường nước ngoài trong xu hướng cải tạo hệ thống lưới điện của Châu Âu và Châu Mỹ trong thời gian tới, thông qua việc tìm kiếm các đối tác nước ngoài để cùng thành lập các nhà máy/VPĐD ở các thị trường này.
 - Ngoài ra, đối với mảng xây dựng đường sắt cao tốc 67 tỷ USD, trong đó có mảng cáp ngầm cho tàu cao tốc. Hiện nay, loại cáp này ở VN chưa sản xuất được nhưng CADIVI đang tìm kiếm các đối tác nước ngoài để có thể nhận chuyển giao công nghệ và có thể sản xuất được các sản phẩm này.
 - Tuy nhiên, Công ty phải đối mặt với rủi ro nguyên vật liệu do các nguyên liệu chính là đồng, thép silic, dầu cách điện.... phần lớn phải nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được, mà giá các nguyên vật liệu này đang có xu hướng tăng trở lại. Bên cạnh đó, GEE cũng phải đối mặt với rủi ro tỷ giá trong bối cảnh tỷ giá đang chịu sức ép tăng trong năm 2025.
- ✓ ABS Research nâng dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2025F của GEE lên 3.298 tỷ đồng (+107,7% svck) do có sự đóng góp khoản thoái vốn đầu tư và HĐKD cốt lõi dự kiến tiếp tục khả quan trong Q4/2025. EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 9.011 đ/cp & 22.490 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 20,17 và 8,08 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2025F đạt 40,1%.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA GEE

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	18.714	16.665	16.607	21.130
Giá vốn hàng bán	-16.884	-14.551	-14.581	-18.066
Lợi nhuận gộp	1.830	2.114	2.026	3.064
Doanh thu tài chính	395	841	572	544
Chi phí tài chính	-744	-1.128	-901	-609
Chi phí bán hàng	-361	-349	-328	-410
Chi phí QLDN	-387	-408	-420	-457
Lợi nhuận từ HKKD	761	1.089	950	2.157
Lãi/Lỗ khác	57	32	17	-4
Lợi nhuận trước thuế	818	1.120	967	2.153
Lợi nhuận sau thuế	655	972	793	1.715
LNST cổ đông Công ty mẹ	566	880	745	1.588

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HKKD	-1.186	1.648	2.318	535
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-1.818	1.261	4	1.012
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	3.612	-3.609	-1.908	-1.982
LCT thuần trong kỳ	608	-700	414	-435
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	803	1.410	710	1.125
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1.410	710	1.125	692

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,14	1,26	1,02	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	0,48	0,53	0,51	0,56
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,16	0,15	0,20	0,14
Khả năng thanh toán lãi vay	2,58	2,56	2,68	8,99
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,26	0,34	0,43	0,54
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,74	0,66	0,57	0,46
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,92	1,44	0,94	0,49
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	66,7	50,7	38,8	27,4
Số ngày phải trả	58,2	48,4	20,4	17,2
Số ngày tồn kho	106,1	139,7	93,1	68,2
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,8%	12,7%	12,2%	14,5%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	6,4%	10,5%	8,8%	11,3%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	3,5%	5,8%	4,8%	8,1%
ROE	13,6%	16,2%	13,3%	26,6%
ROA	3,5%	4,8%	5,1%	12,9%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.410	710	1.125	692
+ Đầu tư ngắn hạn	330	225	162	80
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	3.530	2.333	1.996	2.253
+ Hàng tồn kho	6.780	4.360	3.074	3.680
+ Tài sản ngắn hạn khác	396	140	206	157
Tài sản ngắn hạn	12.446	7.768	6.563	6.861
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	15	7	70
+ Tài sản cố định	6.785	6.683	3.460	2.453
+ Bất động sản đầu tư	0	139	130	123
+ Tài sản dở dang dài hạn	514	171	264	173
+ Đầu tư dài hạn	2.598	1.882	2.653	2.662
+ Tài sản dài hạn khác	780	762	644	561
Tài sản dài hạn	10.678	9.652	7.160	6.042
Tổng Tài sản	23.124	17.420	13.723	12.903
+ Vay ngắn hạn	5.370	3.506	4.370	2.971
+ Nợ ngắn hạn khác	5.553	2.659	2.089	2.410
Nợ ngắn hạn	10.923	6.165	6.459	5.381
+ Vay dài hạn	6.114	5.160	1.236	453
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	99	91	77	116
Nợ dài hạn	6.213	5.251	1.312	569
Tổng nợ phải trả	17.136	11.416	7.771	5.950
+ Vốn cổ phần	3.000	3.000	3.000	3.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	835	835	835	835
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	858	920	1.055	2.045
+ Quỹ khác	1.294	1.248	1.061	1.073
Vốn chủ sở hữu	5.987	6.003	5.952	6.953
Tổng cộng nguồn vốn	23.124	17.420	13.723	12.903

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	16,4%	-11,0%	-0,3%	27,2%
Tăng trưởng LNTT	3,3%	37,6%	-16,0%	57,0%
Tăng trưởng LNST	-0,1%	48,4%	-18,4%	116,3%
Tăng trưởng VCSH	64,5%	0,3%	-0,9%	16,8%
Tăng trưởng Tổng tài sản	60,6%	-24,7%	-21,2%	-6,0%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	N/A	9,61	13,32	10,31
P/B	N/A	1,60	1,83	2,56
EPS	2.280	2.935	2.485	5.294
BVPS	17.414	17.620	18.107	21.325

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây